

Bản án số: 95/2020/DS-PT

Ngày: 21/5/2020

V/v: “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

***-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông **Lê Phước Thanh**

*Các thẩm phán:* Ông **Nguyễn Tấn Trường**  
Bà **Lê Thúy Cầu**

***-Thư ký phiên toà:*** Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:*** Ông **Đoàn Ngọc Thanh**, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2020/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 729/2020/QĐ-PT ngày 29 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị Bình M**; sinh năm: 1936; địa chỉ: Xóm 2, thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Duy V** (*chồng bà M*).

Bà M và ông V đều có đơn xin xét xử vắng mặt (*Đơn cùng ngày 08/5/2020*).

\* *Bị đơn:* Anh **Lê Tuấn A**, sinh năm: 1971; địa chỉ: Xóm 2, thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình- Có mặt.

\* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. **UBND huyện Q**; địa chỉ: huyện Q;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Trung Đ** - Chủ tịch UBND huyện.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Viết G** - Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện Q (*giấy ủy quyền số 144/UQ-UBND ngày*

23/9/2019)- Vắng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. **Ngân hàng Thương mại cổ phần X (X)**; địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Tùng L - Chuyên viên xử lý nợ X AMC (*Văn bản ủy quyền số 11/208/UQ-HDQT ngày 02/3/2018 và văn bản ủy quyền số 68A/2019/UQ-VPB ngày 12/8/2019*)- Có mặt.

3. Ông **Lê Khắc S**; địa chỉ: thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Bình M (*văn bản ủy quyền ngày 16/10/2019*)- Vắng; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Chị **Trương Thị Kim O**, sinh năm 1982, địa chỉ: Xóm 2, thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Lê Tuấn A**, sinh năm: 1971; địa chỉ: Xóm 2, thôn V, xã L, huyện Q, tỉnh Quảng Bình- Có mặt.

5. UBND xã L, địa chỉ: xã L, huyện Q, do ông Lê Thế T - Chủ tịch UBND xã đại diện- Vắng; có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/5/2020.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Đơn khởi kiện và ý kiến tại bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị Bình M và người đại diện trình bày:*

Bố mẹ bà M là cụ ông Lê Khắc H và cụ bà Hoàng Thị P sống với nhau sinh được 3 người con (*anh trai là Lê Khắc H21, em trai Lê Khắc S và bà Lê Thị Bình M*). Năm 1946 cụ ông Lê Khắc H mất, năm 1972 ông Lê Khắc H21 hy sinh (*Liệt sỹ*), ông Lê Khắc S thoát ly làm giáo viên dạy học tại tỉnh Hà Tây cũ (*nay là Hà Nội*) và lập gia đình định cư ở đó. Cụ bà Hoàng Thị P về ở với vợ chồng bà và sinh sống tại thửa đất gắn với ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ bà ở xóm 2, V, L. Năm 1986 cụ bà Hoàng Thị P qua đời, không để lại di chúc, nhưng từ đó ngôi nhà trên gắn liền với mảnh đất mẹ bà để lại là nơi thờ phụng ông bà, cha mẹ, và vợ chồng ông H21. Cháu bà Lê Tuấn A (*con trai ông Lê Khắc H21*) về ở trên mảnh đất và ngôi nhà đó rồi kê khai thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Lê Tuấn A, đồng thời có xây dựng thêm một ngôi nhà 2 tầng bên cạnh nhà cấp 4. Qua tìm hiểu bà được biết UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD thửa đất của bố mẹ bà để lại cho Lê Tuấn A mà không được sự đồng ý của bà và em trai bà (*hàng thừa kế thứ nhất*) là vi phạm, ảnh hưởng đến quyền lợi của chị em bà, đến khi Cơ quan Thi hành án phát mại đấu giá toàn bộ nhà và thửa đất trên thì bà mới biết vợ chồng Lê Tuấn A đem toàn bộ nhà đất thế chấp cho Ngân hàng X để vay vốn làm ăn nhưng không trả được nợ. Nên bà đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28 và ngôi nhà cấp 4 ba gian, đồng thời hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P725155 do UBND huyện Q cấp ngày 28/02/2001 mang tên Lê Tuấn A đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28, diện tích 601 m<sup>2</sup> (*trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở*) tại thôn V, xã L, huyện Q, bà đề nghị xin được lấy phần đất gắn liền với ngôi nhà cấp 4. Về giá đất đề nghị tính theo giá nhà nước quy định.

*Tại các bản tự khai và hòa giải cũng như tại phiên tòa bị đơn anh Lê Tuấn A trình bày:* bố anh Lê Khắc H21 và mẹ anh Nguyễn Thị Bích Y sống với nhau và sinh ra một mình anh, năm 1972 bố anh hy sinh, năm 1973 mẹ anh qua đời. Ông bà nội anh là Lê Khắc H và Hoàng Thị P sinh được 3 người con là: bố anh Lê Khắc H21, bà Lê Thị Bình M và ông Lê Khắc S; năm 1946 ông nội anh mất, đến năm 1986 bà nội anh mất. Khi còn sống ông bà nội anh lúc đầu ở xã H sau đó chuyển về sống ở V, L trên thửa đất hiện nay đứng tên của anh. Anh là cháu nội, bố mẹ anh không còn nên học xong anh về sống trên thửa đất của ông bà nội. Thửa đất đó được UBND L tự kê khai và làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Hoàng Tuấn A1 vào ngày 15/4/1991 thửa số 249, tờ bản đồ số 5, diện tích 721 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở). Sau khi biết được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai họ nên anh đã làm đơn đề nghị cấp đổi lại mang tên Lê Tuấn A và được UBND huyện Q cấp ngày 28/02/2001, số thửa đất thay đổi thành thửa 99, tờ bản đồ số 28 với diện tích 610m<sup>2</sup>. Quá trình ở trên thửa đất đó có ngôi nhà cấp 4 của ông bà và vợ chồng anh có làm thêm ngôi nhà 2 tầng, xây hàng rào, sân, cổng và một số tài sản khác. Việc anh tự làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà Lê Thị Bình M và ông Lê Khắc S không biết. Năm 2009 do cần vốn làm ăn nên vợ chồng anh đã thế chấp cho Ngân hàng X để vay 500 triệu đồng, tuy nhiên do làm ăn thua lỗ nên không trả được nợ và bị Cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình phát mại đấu giá tài sản nhà và đất trên để thu hồi vốn cho Ngân hàng. Nay bà Lê Thị Bình M khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế đối với nhà đất của ông bà nội đồng thời yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, anh đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND huyện Q trình bày tại Văn bản ghi ý kiến số 579/UBND-TNMT ngày 12/7/2019 và lời trình bày của ông Nguyễn Viết Giai - Trưởng phòng TNMT huyện Q đại diện theo ủy quyền:* Hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất của ông Lê Tuấn A đối với thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28 tại xã L, huyện Q được thể hiện: Ngày 15/4/1991 ông Hoàng Tuấn A1 được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất có số phát hành A194395, số vào sổ 00009QSDĐ/01QĐ/UB tại thửa số 249, tờ bản đồ số 5 với diện tích 721m<sup>2</sup> (trong đó có 200 m<sup>2</sup> đất ở, 521 m<sup>2</sup> đất màu); Ngày 12/12/2000, ông Lê Tuấn A có đơn xin thay giấy chứng nhận QSD đất có nội dung đề nghị cấp lại giấy chứng nhận QSD đất cho đúng theo họ của ông từ Hoàng Tuấn A1 thành Lê Tuấn A và theo bản đồ địa chính mới của xã L là thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28, diện tích 610 m<sup>2</sup> (trong đó có 200 m<sup>2</sup> đất ở) đơn được UBND xã L xác nhận ngày 13/12/2000. Về nguồn gốc thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28 đã được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD đất từ năm 1991. Việc thực hiện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Lê Tuấn A tuân thủ theo quy định Luật Đất đai năm 1987 và các văn bản hướng dẫn thi hành: Người đang sử dụng đất hợp pháp là người được cấp giấy chứng nhận QSD đất, người có tên trong sổ địa chính. Do đó yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất mang tên Lê Tuấn A của bà Lê Thị Bình M là không có cơ sở pháp lý, đề nghị Tòa án xét xử theo đúng pháp luật.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, Ngân hàng X trình bày:* Ngày 02/7/2019 X có nhận được Công văn số 1147/TA của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình với nội dung đề nghị X có ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Bình M. X không thống nhất với ý kiến khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Bình M, việc cho vay, thế chấp và xử lý tài sản thế chấp của X đảm bảo đúng quy định, X không nắm rõ nguồn gốc quyền sử dụng đất thế chấp của ông Lê Tuấn A, đề nghị ông Lê Tuấn A thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho X, nếu không thực hiện thì X đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định. Việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy giấy chứng nhận QSD đất mang tên Lê Tuấn A, X đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Ngân hàng X không đồng ý trích giá trị tài sản để chia cho các đồng thừa kế bởi toàn bộ tài sản nhà đất nói trên đã được anh Lê Tuấn A thế chấp cho Ngân hàng và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng X không đồng ý trích giá trị tài sản để chia cho các đồng thừa kế, bởi toàn bộ tài sản nhà, đất đã được anh Lê Tuấn A thế chấp cho Ngân hàng X và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Lê Khắc S trình bày:* bố mẹ ông Lê Khắc hiệu và Hoàng Thị P sinh được 3 người con, anh trai Lê Khắc H21 và chị gái Lê Thị Bình M và ông Lê Khắc S. Năm 1972 ông Lê Khắc H21 hy sinh, ông thoát ly và làm giáo viên rồi lập gia đình ở Hà Nội. Năm 1946 bố ông mất, mẹ ông là Hoàng Thị P về ở với vợ chồng bà Lê Thị Bình M tại ngôi nhà ở xóm 2, thôn V, xã L, huyện Q. Năm 1986 mẹ ông mất không để lại di chúc. Gia đình ông để ngôi nhà và mảnh đất đó để thờ phụng ông bà, cha mẹ và anh chị của ông. Năm 1999 Lê Tuấn A con trai duy nhất của ông Lê Khắc H21 học xong và về công tác tại thành phố Đ nên về sinh sống tại ngôi nhà cấp 4 gắn liền với đất của bố mẹ ông để lại. Quá trình ăn ở trên mảnh đất đó vợ chồng Lê Tuấn A có xây ngôi nhà 2 tầng và sau đó đem thế chấp toàn bộ nhà đất nói trên cho Ngân hàng X để vay vốn làm ăn, nhưng do không trả được nợ nên Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Ông mới biết thừa đất của bố mẹ ông được UBND huyện Q cấp giấy chứng nhận QSD đất cho Lê Tuấn A mà chưa được sự đồng ý của chị em ông (*người được hưởng thừa kế hàng thứ nhất*). Nay ông đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật, đề nghị để lại ngôi nhà cấp 4 và phần đất gắn liền với nhà làm nơi thờ ông bà, cha mẹ; yêu cầu hủy giấy chứng nhận QSD đất số P725155 do UBND huyện Q cấp ngày 28/02/2001 mang tên Lê Tuấn A tại thửa đất 99, tờ bản đồ số 28 xã L.

***Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã quyết định:***

Căn cứ các Điều 34, 147, 157, 165 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 649, 650, 651, 652, 660 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai. Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Lê Thị Bình M về yêu cầu chia di sản thừa kế để chia giá trị di sản thừa kế là nhà đất của cụ H, cụ P để lại gồm ngôi nhà cấp 4 và diện tích 601,8 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 401,8m<sup>2</sup> đất vườn) tại thửa đất số 99, tờ bản đồ 28 (nay là thửa số 43, tờ bản đồ 27) tại thôn Văn la, xã L có giá trị toàn bộ 941.380.440 đồng, cụ thể: Buộc anh Lê Tuấn A phải trích giá trị di sản để giao cho bà Lê Thị Bình M được hưởng giá trị di sản thừa kế theo kỹ phần là 313.793.480 đồng; giao cho ông Lê Khắc S được hưởng giá trị di sản thừa kế theo kỹ phần là 313.793.480 đồng; Phần còn lại anh Lê Tuấn A được hưởng kỹ phần của ông Lê Khắc H21 (bố đẻ) giá trị di sản thừa kế theo kỹ phần là 313.793.480 đồng.

Toàn bộ tài sản là nhà, các công trình, cây trồng trên đất gắn liền với thửa đất số 99 tờ bản đồ 28 (nay là thửa số 43, tờ bản đồ 27) xã L là tài sản đảm bảo thi hành án cho khoản nợ của anh Lê Tuấn A với Ngân hàng X.

Sau khi Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại nhà đất và các tài sản trên đất để thu hồi nợ cho Ngân hàng X thì phải trích phần giá trị di sản cho bà M và ông S được hưởng, phần còn lại của anh Lê Tuấn A là nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng X.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bình M về việc hủy giấy chứng nhận QSD đất số P725155 do UBND huyện Q cấp ngày 28/02/2001 mang tên Lê Tuấn A tại thửa đất 99, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 43, tờ bản đồ 27) xã L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/12/2019, nguyên đơn bà Lê Thị Bình M kháng cáo yêu cầu được nhận hiện vật là căn nhà cấp 4 và quyền sử dụng đất gắn liền; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên ông Lê Tuấn A.

Ngày 12/12/2019, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng Thương mại cổ phần X (X) kháng cáo yêu cầu xem xét việc trích trả giá trị tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế trong vụ án.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:* Những người kháng cáo không rút, thay đổi hoặc bổ sung kháng cáo. Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Đại diện VKSND cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo Ngân hàng Thương mại cổ phần X (X) và không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị Bình M.

*Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của những người tham gia tố tụng, người bảo vệ quyền lợi, ý kiến của Kiểm sát viên và sau khi nghị án.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo các lời khai thừa nhận của nguyên đơn bà Lê Thị Bình M, bị đơn ông Lê Tuấn A và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Khắc S, bà Trương Thị Kim O và các tài liệu do UBND xã L cung cấp thể hiện: Nguồn gốc thửa đất số 249, tờ bản đồ số 5 (*Nay là thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28*) có diện tích 610m<sup>2</sup> và ngôi nhà cấp 4 trên đất tại xã L, huyện Q là tài sản của cụ Lê Khắc H và cụ Hoàng Thị P; cụ Lê Khắc H chết năm 1946 và cụ Hoàng Thị P chết năm 1986 không để lại di chúc; Vì vậy, đây là di sản chung của vợ chồng cụ H và cụ P để phân chia cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật theo yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị Bình M như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là có căn cứ.

[1.1] Về những người được hưởng di sản thừa kế:

- Cụ Lê Khắc H và cụ Hoàng Thị P có 3 người con được hưởng di sản thừa kế là:

+ Ông Lê Khắc H21- chết vào năm 1972, có một người con là ông Lê Tuấn A là thừa kế thế vị.

+ Bà Lê Thị Bình M.

+ Ông Lê Khắc S.

[1.2] Về giá trị di sản:

- Ngôi nhà cấp 4 có trị giá là 50.114.640 đồng.

- Diện tích đất đo đạc thực tế thửa đất số 249, tờ bản đồ số 5 (*Nay là thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28*) là 601,8m<sup>2</sup> có trị giá là 891.265.800 đồng.

Tổng giá trị di sản là 941.380.440 đồng.

Như vậy, mỗi kỹ phần được phân chia là 891.265.800 đồng: 3 = 313.793.480 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là đúng quy định tại Điều 612, Điều 650, Điều 651, Điều 652 và Điều 660 Bộ luật dân sự.

[2] Xét kháng cáo thì thấy:

[2.1] Về kháng cáo của bà Lê Thị Bình M.

Như đã nhận định trên, nhà và đất của thửa đất số 249, tờ bản đồ số 5 (*Nay là thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28*) là di sản của cụ Lê Khắc H, cụ Hoàng Thị P chưa chia và thuộc quyền sở hữu chung của ông Lê Tuấn A, bà Lê Thị Bình M và ông Lê Khắc S nhưng ông Anh làm thủ tục và UBND huyện Q cấp GCNQSD đất số P 725155 ngày 28/02/2001 cho ông Anh, trong khi chưa có sự đồng ý của bà Lê Thị Bình M và ông Lê Khắc S là không đúng quy định của pháp luật, đã xâm phạm quyền lợi của bà M và ông S.

Tuy nhiên, nhà và đất là di sản thừa kế của cụ H, cụ P đã được ông Lê Tuấn A (*người đứng tên trong GCNQSD đất số P 725155 ngày 28/02/2001 của UBND huyện Q*) thế chấp cho Ngân hàng X để vay tiền và đã được giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2013/QĐST-

KDTM ngày 11/03/2013 của TAND tỉnh Quảng Bình đã có hiệu lực pháp luật và đang tiến hành phát mãi để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng X. Việc ông Anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật thì Ngân hàng X không biết và Ngân hàng X không có nghĩa vụ kiểm tra tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 725155 ngày 28/02/2001 của UBND huyện Q. Hơn nữa, hợp đồng thế chấp tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, theo quy định tại Điều 133 Bộ luật dân sự năm 2015 thì Ngân hàng X là người thứ ba ngay tình, cần phải được bảo vệ quyền lợi. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P 725155 ngày 28/02/2001 của UBND huyện Q đã cấp cho ông Lê Tuấn A và chia di sản cho các đồng thừa kế bằng giá trị (*trong đó có nguyên đơn bà Lê Thị Bình M*) là đúng quy định tại Điều 133 và Điều 168 Bộ luật dân sự năm 2015. Cho nên, kháng cáo của bà Lê Thị Bình M yêu cầu được nhận hiện vật và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp mang tên ông Lê Tuấn A không thể chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của Ngân hàng X:

Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03/2013/QĐST-KDTM ngày 11/03/2013 của TAND tỉnh Quảng Bình đã có hiệu lực pháp luật; theo đó, tính đến ngày 02/7/2019 vợ chồng ông Lê Tuấn A và bà Trương Thị Kim O dư nợ vay tại Ngân hàng X số tiền là 1.824.814.558 đồng và cam kết xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất của thửa đất số 249, tờ bản đồ số 5 (*Nay là thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28 đang tranh chấp chia thừa kế*) để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng X.

Theo như đã nhận định trên, Ngân hàng X là người thứ ba ngay tình nhận tài sản thế chấp và cũng đã đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, khi xử lý tài sản thế chấp nhà và đất của thửa đất số 249, tờ bản đồ số 5 (*Nay là thửa đất số 99, tờ bản đồ số 28*) thì Ngân hàng X phải được ưu tiên thanh toán; trường hợp số tiền xử lý tài sản lớn hơn số tiền dư nợ thì số tiền chênh lệch được thanh toán cho bà M, ông S và nếu số tiền xử lý tài sản nhỏ hơn số tiền dư nợ thì Ngân hàng X có quyền yêu cầu ông Anh, bà O tiếp tục thanh toán số tiền dư nợ còn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 163/2006/NĐ-CP của Chính Phủ về giao dịch bảo đảm; Khoản 2 Điều 47 Luật thi hành án dân sự và điểm a, khoản 2 Điều 304; Điều 307 Bộ luật dân sự nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên số tiền thu được việc phát mãi tài sản thế chấp: “*Thì phải trích phần giá trị di sản cho bà M và ông S được hưởng, phần còn lại của ông Lê Tuấn A là nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng X*” là không đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng X và sửa bản án sơ thẩm về phần này.

[3] Do chấp nhận kháng cáo nên Ngân hàng X không phải chịu án phí phúc thẩm. Kháng cáo của bà Lê Thị Bình M không được chấp nhận nên bà Lê Thị Bình M phải chịu án phí phúc thẩm nhưng bà M là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí phúc thẩm nên bà M không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm và về quyền, nghĩa vụ thi hành án tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 1 Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Bình M.

Chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam – Thịnh Vượng (X) và sửa bản án dân sự sơ thẩm số 26/2019/DS-ST ngày 28/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Áp dụng: Điều 133, 168, 304; 307, 649, 650, 651, 652 và 660 Bộ luật Dân sự; Điều 203 Luật Đất đai; Xử:

1/ Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Lê Thị Bình M về yêu cầu chia di sản thừa kế để chia giá trị di sản thừa kế là nhà đất của cụ H, cụ P để lại gồm ngôi nhà cấp 4 và diện tích 601,8 m<sup>2</sup> (trong đó có 200m<sup>2</sup> đất ở và 401,8m<sup>2</sup> đất vườn) tại thửa đất số 99, tờ bản đồ 28 (nay là thửa số 43, tờ bản đồ 27) tại thôn Văn la, xã L có tổng giá trị là 941.380.440 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Bình M về việc hủy giấy chứng nhận QSD đất số P725155 do UBND huyện Q cấp ngày 28/02/2001 mang tên Lê Tuấn A tại thửa đất 99, tờ bản đồ số 28 (nay là thửa số 43, tờ bản đồ 27) xã L.

2/ Buộc anh Lê Tuấn A phải bồi giá trị di sản cho bà Lê Thị Bình M số tiền là 313.793.480 đồng và bồi giá trị di sản cho ông Lê Khắc S số tiền là 313.793.480 đồng.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.*

Phần di sản còn lại anh Lê Tuấn A được hưởng kỷ phần của ông Lê Khắc H21 (bố đẻ) có giá trị là 313.793.480 đồng.

3/ Toàn bộ tài sản là nhà, các công trình, cây trồng trên đất gắn liền với thửa đất số 99 tờ bản đồ 28 (nay là thửa số 43, tờ bản đồ 27) xã L là tài sản đảm bảo thi hành án cho khoản nợ của anh Lê Tuấn A và bà Trương Thị Kim O với Ngân hàng X.

Trường hợp Cơ quan Thi hành án dân sự phát mại nhà đất và các tài sản trên thửa đất số 99 tờ bản đồ 28 (nay là thửa số 43, tờ bản đồ 27) nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng X thì sau khi thi hành xong khoản nợ của anh Lê Tuấn A

và bà Trương Thị Kim O cho Ngân hàng X; số tiền còn lại được trả cho anh Lê Tuấn A để anh A thanh toán cho bà M và ông S.

4/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm và về quyền, nghĩa vụ thi hành án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

5/ Án phí phúc thẩm:

Bà Lê Thị Bình M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam – Thịnh Vượng (X) không phải chịu án phí phúc thẩm; được hoàn trả 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu số 0006821 ngày 17/12/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Phước Thanh**